

Số: 82/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định chỉ tiêu biên chế công chức trong cơ quan hành chính và phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức Hội đặc thù năm 2024 của tỉnh Bắc Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2383-QĐ/BTCTW ngày 06/12/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bắc Giang năm 2024;

Xét Tờ trình số 391/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao chỉ tiêu biên chế công chức trong cơ quan hành chính và phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức Hội đặc thù năm 2024 của tỉnh Bắc Giang như sau:

- Biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước: 1.945 chỉ tiêu
(Chi tiết tại Phụ lục số 01)
- Biên chế viên chức: 31.934 chỉ tiêu, trong đó:
 - Biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 27.718 chỉ tiêu;
 - Biên chế viên chức sự nghiệp y tế nhà nước: 2.525 chỉ tiêu;
 - Biên chế viên chức sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch: 545 chỉ tiêu;

- Biên chế viên chức sự nghiệp khác: 1.038 chỉ tiêu;
- Biên chế Hội đặc thù: 108 chỉ tiêu.

3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 7.317 chỉ tiêu, gồm:

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã: 4.570 chỉ tiêu;
- Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 2.747 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02)

4. Cán bộ khuyến nông và thú y cơ sở: 223 chỉ tiêu

5. Số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, trong đó:

a) Số lượng hợp đồng làm công việc hỗ trợ, phục vụ: 291 chỉ tiêu.

- Số lượng hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính: 230 chỉ tiêu;
- Số lượng hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 55 chỉ tiêu;
- Số lượng hợp đồng lao động trong các tổ chức Hội đặc thù: 06 chỉ tiêu.

b) Số lượng hợp đồng lao động làm giáo viên, nhân viên hành chính khối Mầm non, Tiểu học và THCS: 1.364 chỉ tiêu.

Nguồn kinh phí thực hiện hợp đồng lao động làm giáo viên, nhân viên hành chính quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị quyết này do ngân sách huyện đảm bảo. Riêng huyện Yên Thế, Sơn Động, Lục Ngạn do ngân sách tỉnh hỗ trợ.

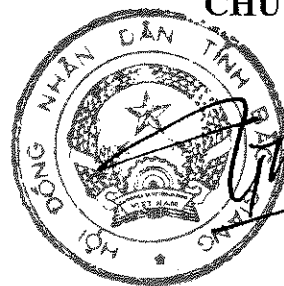
Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có chỉ đạo mới của Trung ương về tổng chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp của tỉnh hoặc cần điều chỉnh chỉ tiêu biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính để phù hợp với tình hình thực tế địa phương, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh thông qua trước khi quyết định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang, Khóa XIX, Kỳ họp thứ 14 thông qua. /

Nơi nhận: *TM*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Bộ Nội vụ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực Thành ủy, Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- LĐ, chuyên viên Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

Phụ lục 01
GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, HỢP ĐỒNG
TRÀM CÔNG VIỆC HỖ TRỢ, PHỤC VỤ NĂM 2024

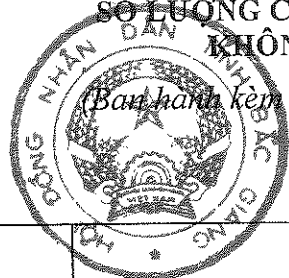
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 13/12/2023
của HĐND tỉnh Bắc Giang)*



TT	Loại hình tổ chức	Kế hoạch biên chế năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Chia ra		
			Biên chế công chức	HĐ làm công việc hỗ trợ, phục vụ	
1	2	13	14	15	
	Tổng cộng (A+B)	2,175	1,945	230	
A	CẤP TỈNH	1228	1078	150	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	44	33	11	
2	Văn phòng UBND tỉnh	72	54	18	
	Khối Văn phòng	69	52	17	
	Trung tâm phục vụ HCC	3	2	1	
3	Sở Nội vụ	66	59	7	
4	Ban Dân tộc	24	21	3	
5	Sở Thông tin và Truyền thông	31	27	4	
6	Sở Tư pháp	30	27	3	
7	Sở Tài chính	65	59	6	
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50	45	5	
9	Sở Công thương	52	47	5	
10	Sở Ngoại vụ	19	16	3	
11	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	54	49	5	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	62	57	5	
	Khối Văn phòng	49	45	4	
	Chi cục Bảo vệ môi trường	13	12	1	
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	265	234	31	
	Khối Văn phòng	40	35	5	
	Chi cục Kiểm lâm	125	111	14	

	Chi cục Thủy lợi	15	13	2	
	Chi cục Trồng trọt và BVTV	20	18	2	
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	19	16	3	
	Chi cục Thủy sản	13	12	1	
	Chi cục Phát triển nông thôn	18	16	2	
	Chi cục QL chất lượng nông lâm sản và TS	14	12	2	
	Văn phòng Điều phối NTM	1	1		
14	Sở Xây dựng	46	42	4	
15	Sở Văn hóa, TT&DL	53	46	7	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	52	48	4	
17	Sở Giao thông vận tải	66	57	9	
	Khối Văn phòng	37	33	4	
	Thanh tra GTVT	29	24	5	
18	Sở Khoa học và Công nghệ	46	40	6	
	Khối Văn phòng	33	28	5	
	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	13	12	1	
19	Sở Y tế	63	57	6	
	Khối Văn phòng	38	34	4	
	Chi cục Dân số - KHHGD	13	12	1	
	Chi cục An toàn VS Thực phẩm	12	11	1	
20	Ban QLKCN	27	23	4	
21	Thanh tra tỉnh	41	37	4	
B	CẤP HUYỆN	947	867	80	
1	Huyện Tân Yên	91	83	8	
2	Huyện Lạng Giang	96	88	8	
3	Huyện Hiệp Hòa	96	88	8	
4	Huyện Việt Yên	92	84	8	
5	Huyện Yên Dũng	91	83	8	
6	Huyện Sơn Động	91	83	8	
7	Huyện Lục Nam	96	88	8	
8	Huyện Yên Thế	91	83	8	
9	Huyện Lục Ngạn	97	89	8	
10	Thành phố Bắc Giang	106	98	8	

Phụ lục 02
**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
 KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NĂM 2024**



(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 13/12/2023
 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

STT	Tên cơ quan	Kế hoạch biên chế năm 2024			Ghi chú
		Tổng chỉ tiêu	Trong đó:		
			Cán bộ, Công chức	Người hoạt động không chuyên trách	
1	2	3	4	5	6
Tổng số		7317	4570	2747	
1	UBND huyện Sơn Động	647	425	222	
2	UBND huyện Lục Ngạn	1018	625	393	
3	UBND huyện Lục Nam	914	562	352	
4	UBND huyện Yên Thế	623	393	230	
5	UBND huyện Tân Yên	723	451	272	
6	UBND huyện Lạng Giang	714	441	273	
7	UBND huyện Hiệp Hòa	872	536	336	
8	UBND huyện Việt Yên	610	378	232	
9	UBND huyện Yên Dũng	638	411	227	
10	UBND TP Bắc Giang	558	348	210	

